

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Đình

Bà Hoài Thị Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn TT, xã NA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị R.

Địa chỉ: Thôn TT, xã NA, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26-11-2020, đơn bổ sung khởi kiện ngày 22-12-2020, bản tự khai ngày 26-02-2021, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12-5-2017. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc sinh được hai con. Đến cuối năm 2018 bà và ông T trong cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T đi làm về không có trách nhiệm với vợ, con, không cùng quan điểm sống và không giải quyết được, có lúc ông T còn bạo lực với bà và còn chơi cờ bạc, hiện nay vợ chồng đã không sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay bà không còn tình cảm với ông Trần T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần T.

- Về con chung: Bà và ông Trần T có 02 con chung là Trần Thị Trúc N, sinh ngày 17-02-2018, Trần Hoàng T, sinh ngày 11-03-2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sau đó, tại bản tự khai ngày 26/02/2021 và tại phiên tòa bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay cháu N, cháu T đang ở với bà nên bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu N, cháu T. Bà yêu cầu ông Trần T cấp dưỡng nuôi hai cháu N và cháu T mỗi tháng mỗi cháu 745.000 đồng, hai cháu cấp dưỡng 1.490.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi hai con tính từ tháng 06-2021 cho đến khi hai cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Bà làm quản lý tại Công ty King MarKer III Visip Tỉnh Phong, Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi thu nhập ổn định một tháng 10.000.000 đồng. Còn ông Trần T làm biển có mức thu nhập ổn định.

- Về tài sản chung: Vợ chồng cưới nhau được hai bên gia đình cho tổng cộng 30 chỉ vàng 97 quy ra tiền mặt là 147.000.000 đồng (01 chỉ vàng là 4.900.000 đồng). Vì tin tưởng mẹ chồng nên bà và chồng gửi cho mẹ chồng vào ngày 02/5/2017 là 30 chỉ vàng 97 nên bà và chồng của bà không yêu cầu mẹ chồng viết giấy biên nhận. Nay bà yêu cầu người có liên quan là mẹ chồng bà Lê Thị R trả lại số vàng đó cho bà, yêu cầu chia phần tài sản như sau: Chồng bà là ông Trần T nhận 15 chỉ vàng tương đương 73.500.000 đồng. Bà nhận 15 chỉ vàng tương đương 73.500.000 đồng.

Ngày 26/02/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N rút một phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 30 chỉ vàng loại vàng 97 và không yêu cầu bà Lê Thị R phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số vàng nêu trên.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R hiện nay cư trú tại địa phương nhưng không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ tranh chấp đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thời gian giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N. Bà Phạm Thị N được ly hôn ông Trần T.

Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Trần T có 02 con chung là Trần Thị Trúc N, sinh ngày 17-02-2018, Trần Hoàng T, sinh ngày 11-03-2020. Khi ly hôn giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, ông T cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ngày 26/02/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N rút một phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 30 chỉ vàng loại vàng 97 và không yêu cầu bà Lê Thị R phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số vàng nêu trên. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần bà N rút yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12-5-2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc sinh được hai con. Đến cuối năm 2018 bà và ông T trong cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T đi làm về không có trách nhiệm với vợ, con, không cùng quan điểm sống và không giải quyết được, có lúc ông T còn bạo lực với bà và còn chơi cờ bạc, hiện nay vợ chồng đã không sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần T. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Trần T.

[3] Về con chung: Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là Trần Thị Trúc N, sinh ngày 17-02-2018, Trần Hoàng T, sinh ngày 11-03-2020, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi khởi kiện yêu cầu, bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu N, cháu T, bà yêu cầu ông Trần T cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng 745.000 đồng, hai cháu cấp dưỡng một tháng là 1.490.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con tính từ tháng 06-2021 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Việc thay đổi yêu cầu của bà N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy hiện nay cháu N, cháu T đang ở với bà N sức khỏe vẫn tốt. Bà N làm tại Công ty King MarKer III Visip Tịnh Phong, Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu N và cháu T.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu N, cháu T cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu, mỗi cháu mỗi tháng 745.000 đồng, hai cháu 1.490.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06-2021 cho đến khi cháu N, cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ngày 26/02/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N rút một phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 30 chỉ vàng loại vàng 97 và không yêu cầu bà Lê Thị R phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số vàng nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần bà N rút yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí vụ án hôn nhân và gia đình: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng được trừ 2.137.500 đồng đã tạm ứng còn phải hoàn trả lại cho bà N 1.837.500 đồng và ông T phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Trần T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Trúc N, sinh ngày 17-02-2018, Trần Hoàng T, sinh ngày 11-03-2020 cho bà Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Trần T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Trần Thị Trúc N, Trần Hoàng T mỗi tháng mỗi cháu 745.000 đồng, hai cháu một tháng cấp dưỡng 1.490.000 đồng (Một triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06-2021 cho đến khi cháu Trần Thị Trúc N, Trần Hoàng T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần bà Phạm Thị N rút yêu cầu về chia tài sản chung.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng, được trừ 2.137.500 đồng đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0006566 ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi còn phải hoàn trả lại cho bà N 1.837.500 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Ông Trần T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng